

## BẢN TIN CHÍNH SÁCH

# NGÀNH CÀ PHÊ SƠN LA

## Thực trạng và chuẩn bị thích ứng với các yêu cầu của Quy định chống mất rừng của châu Âu

*Cầm Thị Phong, Nguyên Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La  
Lê Thu, Tổ chức Forest Trends*

Sơn La hiện là vùng trồng cà phê Arabica lớn nhất cả nước. Mỗi năm Sơn La đóng góp khoảng 40.000 tấn cà phê Arabica, chiếm trên 50% tổng lượng cà phê Arabica của cả Việt Nam. Hầu hết cà phê của Sơn La được xuất khẩu với EU là thị trường xuất khẩu quan trọng nhất, chiếm tới 40% thị phần xuất khẩu của tỉnh.

Liên minh châu Âu (EU) hiện đặt ra các yêu cầu ngày càng khắt khe về nguồn gốc, tính hợp pháp và bền vững của sản phẩm nhập khẩu vào thị trường này. Gần đây nhất EU đưa ra Quy định chống mất rừng (EUDR) trong đó yêu cầu cà phê (và 6 mặt hàng khác) nhập khẩu vào thị trường này cần đảm bảo:

- Quá trình sản xuất không gây mất rừng kể từ sau ngày 31/12/2020;
- Các hoạt động trong chuỗi cung tuân thủ với toàn bộ yêu cầu của quốc gia sản xuất (ví dụ các yêu cầu về đất đai, lao động, môi trường, thuế, phí);

Khi nói tới sản xuất cà phê mọi người thường liên tưởng tới Tây Nguyên, nơi cung cấp trên 95% cà phê, chủ yếu là Robusta, trong tổng lượng cà phê của Việt Nam. Trong thời gian vừa qua, ngành cà phê Việt Nam, bao gồm cả Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp đang nỗ lực thực hiện các hoạt động nhằm thích ứng với EUDR. Tuy nhiên, ngành cà phê Việt Nam thích ứng với EUDR không chỉ là câu chuyện của các tỉnh Tây Nguyên – trung tâm sản xuất cà phê của Việt Nam – mà còn gắn chặt với Sơn La - một địa phương hiện đã trở thành vùng sản xuất cà phê quan trọng của cả nước, có đặc thù riêng về sinh thái, lịch sử phát triển và chuỗi cung ứng. Cơ hội và rủi ro của ngành cà phê Việt Nam do EUDR mang lại được chia đồng đều giữa các địa phương trồng cà phê, bao gồm các tỉnh Tây Nguyên và Sơn La.

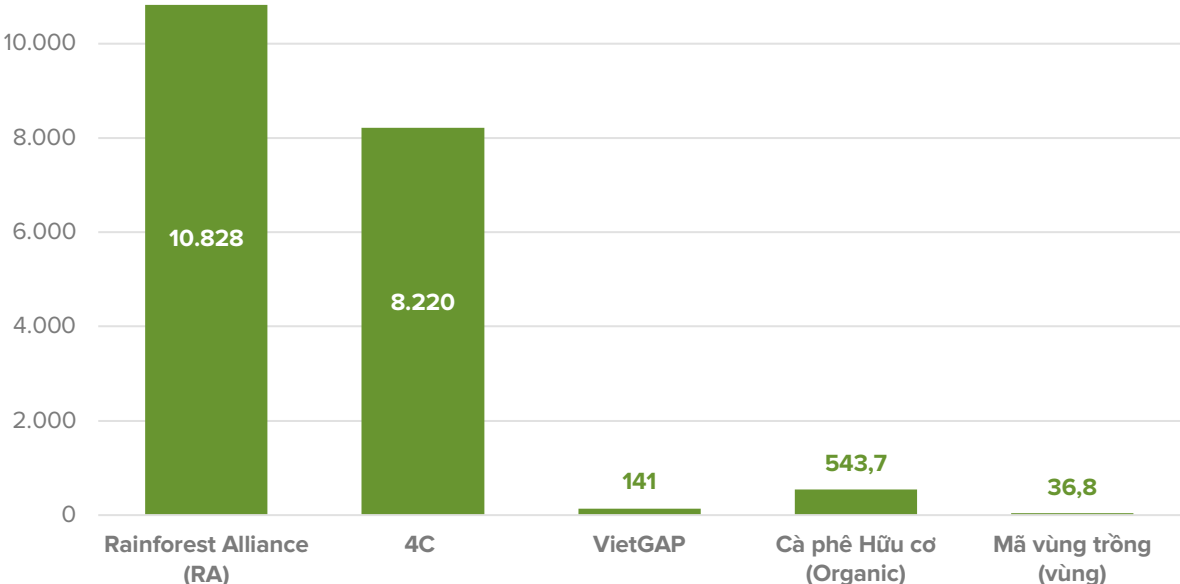
Con đường phát triển cà phê Sơn La khác với các tỉnh Tây Nguyên, trong đó có các nguyên nhân chính là do chủng loại cà phê (Arabica và Robusta) và đặc điểm sinh thái vùng trồng. Tại Sơn La, cà phê đã được trồng từ cuối những năm 1990, với chuỗi giá trị bao gồm hàng trăm nghìn hộ nhỏ lẻ, nhiều hợp tác xã và doanh nghiệp chế biến gắn kết với thị trường thế giới. Đến nay, ngành cà phê Sơn La đang phát triển rất nhanh, chủ yếu do cơ hội từ thị trường xuất khẩu. Thực trạng của ngành cà phê hiện nay thế nào? Ngành cà phê Sơn La chuẩn bị thích ứng với các yêu cầu của EUDR ra sao? Đây là cơ hội và rủi ro của ngành cà phê Sơn La trong việc đáp ứng EUDR? Các bên liên quan trong chuỗi cung cần làm gì để chuẩn bị cho ngành cà phê Sơn La nói riêng và ngành cà phê Việt Nam nói chung tuân thủ tốt nhất với EUDR? Bản tin này sẽ cung cấp thông tin về các khía cạnh này. Thông tin trong bản tin chủ yếu được tổng hợp từ thông tin chia sẻ từ buổi webinar **Ngành cà phê Sơn La chuẩn bị thích ứng với EUDR** diễn ra ngày 15/01/2026 do bà Cẩm Thị Phong, nguyên Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Sơn La chia sẻ.

# 1. Ngành cà phê Sơn La và mức độ sẵn sàng với EUDR

Sơn La là thủ phủ cà phê Arabica của Việt Nam với diện tích trồng cà phê đến hết năm 2025 đạt khoảng 33.628 ha, sản lượng niên vụ 2025 đạt hơn 37.700 tấn cà phê nhân. Đến nay diện tích cà phê của tỉnh chiếm gần 48% diện tích cà phê Arabica cả nước và 73% khu vực miền Bắc. Năm 2024, Sơn La xuất khẩu 31.700 tấn cà phê với giá trị xuất khẩu đạt 88,77 triệu USD, chiếm 46,7% tổng giá trị xuất khẩu nông sản của tỉnh. Thị trường xuất khẩu chủ lực là EU và Bắc Mỹ. Đây là các thị trường đòi hỏi cao về chất lượng, an toàn và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Tại Sơn La, diện tích cà phê đạt chứng chỉ bền vững tương đối cao. Cụ thể, gần 70% diện tích cà phê của tỉnh được cấp chứng nhận RA, 4C, VietGAP. Sơn La hiện có 1.120 ha cà phê đặc sản, 543,7 ha cà phê hữu cơ và một vùng trồng khoảng 37 ha đã được cấp mã vùng sản xuất. Hiện trong địa bàn tỉnh cũng hình thành 5 chuỗi liên kết sản xuất – tiêu thụ cà phê, 8 tổ chức được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Cà phê Sơn La”.

Hình 1. Diện tích áp dụng (ha) của các loại chứng nhận/quy trình



Toàn tỉnh có khoảng 15 hợp tác xã (HTX) tập trung vào sản xuất và chế biến cà phê. Tuy nhiên, hiệu quả liên kết giữa nông dân – HTX – doanh nghiệp chưa cao. Tại tỉnh hiện có 5 nhà máy chế biến quy mô công nghiệp và 15 cơ sở chế biến quy mô nhỏ. Các cơ sở này đáp ứng khoảng 50% năng lực sơ chế cà phê của toàn tỉnh.

## 2. Mở rộng diện tích trồng và rủi ro trong đáp ứng EUDR

Những năm gần đây, diện tích cà phê Sơn La tăng “nóng”: đến cuối 2025 diện tích đạt 33.628 ha, tăng 44,3% so với 2024. Diện tích tăng nhanh chủ yếu là do giá cà phê xuất khẩu liên tục duy trì ở mức cao, nhu cầu tiêu thụ lớn, và đầu tư mạnh từ doanh nghiệp chế biến và xúc tiến thương mại. Diện tích tăng “nóng” đã dẫn đến kết quả là diện tích hiện nay vượt xa so với quy hoạch. Nhiều đồi cà phê mới được trồng trên đất lâm nghiệp, một phần là do lịch sử giao đất, quy hoạch sử dụng đất giữa đất nông nghiệp và lâm nghiệp chưa đồng bộ, ranh giới đất đai tại thực địa thiếu rõ ràng. Thống kê của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh cho thấy đến hết 2024, diện tích cây nông nghiệp (cà phê, mận, xoài, nhãn, cao su, mắc ca) trồng trên đất lâm nghiệp là 4.779,84 ha, trong đó có 490 ha cây cà phê trên địa bàn huyện Mai Sơn cũ. Bên cạnh đó, qua rà soát, diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh giảm 220.900ha so với kết quả giao đất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp giai đoạn 2002-2004. Các diện tích đất nói trên đã được chuyển đổi mục đích sử dụng sang phát triển kinh tế, đất ở nhưng chưa được chỉnh lý, biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gây chông chéo và khó khăn cho việc xác minh tính hợp pháp của đất trồng cà phê của hộ.

Mở rộng diện tích vùng trồng trong bối cảnh các diện tích đất lâm nghiệp và nông nghiệp bị trồng lấn, ranh giới đất đai tại thực địa không rõ ràng và một số diện tích mới mở rộng nằm trên đất lâm nghiệp tiềm ẩn rủi ro trong việc tuân thủ với các yêu cầu của EUDR. Theo EUDR, cà phê nhập khẩu vào EU phải đảm bảo không gây mất rừng - tức không nằm trên vùng rừng chuyển đổi sau 31/12/2020. Ngoài ra, nông hộ sản xuất cà phê cần đảm bảo tính hợp pháp về đất đai. Sự phức tạp trong việc sử dụng đất, bao gồm cả việc “chồng lấn” giữa đất lâm nghiệp và nông nghiệp sẽ làm cho tính pháp lý của đất đai không rõ ràng. Điều này cũng khiến việc xác minh nguồn gốc trở nên phức tạp, nhiều trường hợp là không thể. Đây là các nguyên nhân tạo ra rủi ro rất lớn cho các bên tham gia chuỗi cung khi cà phê trong chuỗi được xuất vào EU.



### 3. Rào cản thể chế, kỹ thuật và phối hợp

---

Do EU là thị trường đầu ra quan trọng nhất của ngành cà phê Sơn La, đáp ứng với các yêu cầu của EUDR có ý nghĩa sống còn đối với các bên tham gia chuỗi cung tại đây. Thời gian vừa qua, chính quyền địa phương và doanh nghiệp đã và đang có những nỗ lực để thực hiện thích ứng. Tuy nhiên, triển khai các hoạt động nhằm đáp ứng EUDR tại Sơn La đối mặt nhiều thách thức, đặc biệt về các khía cạnh như dữ liệu vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và tổ chức ngành.

- **Thiếu dữ liệu vùng trồng tập trung:** Hiện chưa có cơ sở dữ liệu chung về diện tích vùng cà phê, bản đồ thửa đất được cập nhật và hệ thống thông tin địa lý đồng bộ. Sổ địa chính, quy hoạch đất và thực tế hiện trạng thường chông lẩn, gây khó khăn khi đối chiếu tọa độ theo yêu cầu EUDR. Tình trạng chông lẩn ranh giới nông - lâm trường, quy hoạch cũ chưa khớp hiện trạng có thể dẫn tới sai lệch khi khai báo diện tích vùng trồng, tạo rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp dù doanh nghiệp không cố ý.
- **Quản lý thông tin phân tán, công đoạn truy xuất đứt đoạn:** Sản xuất cà phê mang tính manh mún, hầu hết các hộ có diện tích sản xuất nhỏ (khoảng 1 – 2 ha) và nằm trên nhiều lô không liền vùng liền khoảnh, thông tin phân tán qua nhiều khâu trung gian. Chuỗi giá trị chưa được sắp xếp chặt chẽ từ nông hộ đến người mua đầu mối. Việc chưa có cơ chế chia sẻ dữ liệu giữa chính quyền - doanh nghiệp - nông dân dẫn đến mỗi bên “cát cứ” thông tin riêng. Điều này dễ dẫn đến việc chông chéo hay trùng lặp trong khai báo EUDR. Nếu rủi ro xảy ra sẽ ảnh hưởng đến uy tín ngành hàng. Cát cứ trong nắm giữ thông tin đặc biệt là về vùng nguyên liệu giữa các doanh nghiệp khiến chính quyền địa phương khó phát hiện và thiếu cách hỗ trợ kịp thời khi có mâu thuẫn dữ liệu.
- **Rào cản tổ chức ngành và pháp lý:** Hội Cà phê Sơn La chưa phát huy hết vai trò cầu nối giữa các doanh nghiệp và các HTX sản xuất cà phê trong tỉnh. Sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp trong thu mua nguyên liệu và thiếu cơ chế hợp tác khiến liên kết sản xuất - chế biến - xuất khẩu chưa bền vững. Các chính sách, quy định về chia sẻ dữ liệu và quản lý vùng nguyên liệu chưa được hình thành. Cơ quan quản lý địa phương thiếu công cụ và nền tảng kỹ thuật để phối hợp các bên, dẫn đến khó khăn trong giám sát, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện truy xuất nguồn gốc.
- **Khả năng truy xuất công nghệ còn hạn chế:** Nông hộ và nhiều HTX chưa quen áp dụng chuẩn canh tác bền vững và hệ thống ghi chép dữ liệu. Công tác tập huấn, hỗ trợ kỹ thuật về xác định vị trí địa lý lô đất sản xuất, bản đồ số, mã vùng chưa được đẩy mạnh. Các thiết bị và nền tảng số hóa dành cho EUDR chưa phổ cập, ảnh hưởng đến năng lực đáp ứng tiêu chí minh bạch nguồn gốc.

Những rào cản trên cho thấy việc tuân thủ EUDR không chỉ là vấn đề kỹ thuật truy xuất mà còn là vấn đề thể chế quản trị ở cơ sở. Thiếu hạ tầng dữ liệu và cơ chế phối hợp tạo nên trở ngại kép: vừa khó đáp ứng yêu cầu khách quan của EUDR, vừa khó đảm bảo tính minh bạch, công bằng giữa các chủ thể trong chuỗi giá trị.

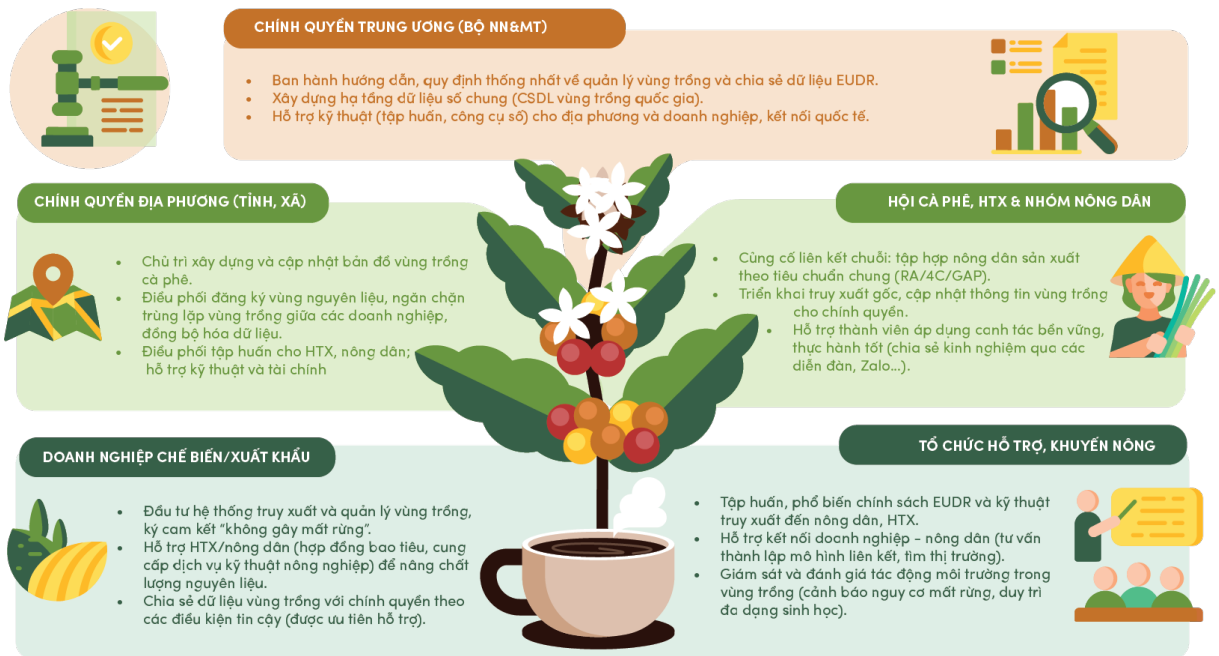
## 4. Chiến lược và khuyến nghị hành động

---

Để EUDR trở thành cơ hội nâng tầm ngành cà phê Sơn La, cần chiến lược đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, hướng vào ba trụ cột: dữ liệu minh bạch, tổ chức chuỗi bền vững, và cơ chế phối hợp hiệu quả.

- **Xây dựng hệ thống quản lý vùng trồng và truy xuất nguồn gốc:** Chính quyền địa phương nên chủ trì rà soát, xây dựng cơ sở dữ liệu vùng trồng cà phê phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu EUDR về truy xuất nguồn gốc. Một trong những trọng tâm của cơ sở dữ liệu vùng trồng là khoanh vùng diện tích cà phê trồng sau 31/12/2020 để quản lý rủi ro xuất khẩu. Tất cả doanh nghiệp, dự án liên quan đến cà phê sẽ đăng ký thông tin cơ bản về quy mô, tọa độ canh tác thông qua Ủy ban nhân dân (UBND) xã và Sở Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT). Việc đăng ký này là cơ sở để địa phương hỗ trợ điều phối, kết nối và hạn chế chong lẩn vùng nguyên liệu ngay từ đầu. Chính quyền cần cập nhật và phân tích thường xuyên bản đồ này, nhận diện khu vực đã can thiệp và khoảng trống cần hỗ trợ ưu tiên. Trung ương có thể hỗ trợ địa phương bằng phần mềm quản lý tập trung, định danh mã vùng chuẩn quốc gia, và chuẩn hóa quy trình đăng ký.
- **Tăng cường chia sẻ dữ liệu gắn với lợi ích thiết thực:** Các bên liên quan cần thống nhất nguyên tắc chia sẻ dữ liệu vùng trồng. Các tổ chức tích cực chia sẻ dữ liệu sẽ được ghi nhận là đối tác EUDR của địa phương và được ưu tiên tiếp cận các chương trình hỗ trợ, dự án hợp tác quốc tế. Việc công khai hóa lợi ích này khuyến khích doanh nghiệp và HTX chủ động chia sẻ thông tin vùng nguyên liệu với chính quyền.
- **Phát huy vai trò của chính quyền địa phương:** Tại cấp tỉnh và xã, chính quyền cần đóng vai trò kiến tạo và điều phối. Chính quyền địa phương nên chủ trì lập quy hoạch vùng trồng tuân thủ EUDR, tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật truy xuất cho HTX và nông hộ (qua đội ngũ khuyến nông xã). Mỗi xã nên có “điểm truy xuất gốc” hỗ trợ ghi nhận tọa độ, quản lý bản đồ và thông tin liên lạc giữa người trồng - HTX - doanh nghiệp. Cơ chế này giúp thống nhất thông tin, sớm phát hiện chong lẩn vùng nguyên liệu và điều phối hỗ trợ, tránh trùng lặp đầu tư. Chính quyền cũng cần bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người nông dân – ví dụ thông qua việc hỗ trợ kỹ thuật canh tác bền vững, tạo điều kiện vay vốn tái canh – nhằm đảm bảo vùng trồng hiện có đạt chuẩn và nâng cao năng suất.
- **Nâng cao năng lực cho doanh nghiệp, HTX và nông dân:** Doanh nghiệp chế biến – xuất khẩu cần chủ động đầu tư xây dựng hệ thống truy xuất gốc (GIS, blockchain...) và phổ biến quy định EUDR tới các bên tham gia chuỗi cung ứng. Đồng thời, họ nên hỗ trợ nông hộ (hợp đồng bao tiêu, tập huấn trồng – thu hái đúng tiêu chuẩn) để đảm bảo cam kết “không mất rừng”. Các HTX, tổ hợp tác cần thúc đẩy liên kết ngược: gom bà con lại thành vùng sản xuất lớn, áp dụng quy trình bền vững (RA, 4C, VietGAP) và cập nhật dữ liệu vùng trồng. Mỗi HTX nên báo cáo định kỳ thông tin diện tích, tọa độ thửa đất cho chính quyền địa phương. Việc này giúp nông dân có điều kiện duy trì thị trường xuất khẩu EU, trong khi doanh nghiệp yên tâm về nguồn nguyên liệu hợp pháp. Đội ngũ khuyến nông – với tư cách là “cầu nối” chuyên môn – cần được tăng cường đào tạo để hướng dẫn kỹ thuật quản lý đất đai, giúp đỡ nông dân chủ động truy xuất nguồn gốc ngay từ vườn nhà.

- **Ổn định diện tích sản xuất:** nghiên cứu và duy trì diện tích cà phê hiện có, tránh mở rộng ồ ạt vào vùng có rủi ro cao về mất rừng. Đối với những khu vực canh tác cà phê có rủi ro cao mất rừng, cần kiên quyết chuyển đổi sang cây trồng khác phù hợp hoặc phục hồi về rừng. Giải pháp này vừa bảo vệ sinh kế của nông dân, vừa đảm bảo quy định không mở rộng rừng theo yêu cầu của EUDR.
- **Hỗ trợ kỹ thuật:** tập trung cung cấp dịch vụ khuyến nông, chuyển giao công nghệ và đào tạo kỹ thuật cho người trồng cà phê. Địa phương cần giới thiệu giống cây trồng mới, kỹ thuật chăm sóc và quản lý sâu bệnh tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng cà phê. Những hỗ trợ kỹ thuật thiết thực này giúp nông dân thích nghi tốt hơn với chuẩn mực sản xuất bền vững mà EUDR đòi hỏi.
- **Hỗ trợ của Trung ương:** Bộ Nông nghiệp và Môi trường nên chủ trì xây dựng khung pháp lý, hướng dẫn kỹ thuật và huy động nguồn lực quốc gia phục vụ EUDR. Cần sớm ban hành các quy định liên ngành về chia sẻ dữ liệu vùng trồng, đảm bảo tính tương thích với quy chuẩn EU, đồng thời nâng cấp cơ sở hạ tầng số (như cơ sở dữ liệu đất đai tích hợp quốc gia). Bộ cũng nên phối hợp với Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam và các tổ chức quốc tế triển khai dự án hỗ trợ kỹ thuật, kết nối doanh nghiệp Việt với chuỗi giá trị toàn cầu. Ngoài ra, Trung ương có thể xây dựng quỹ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư truy xuất nguồn gốc và chuyển đổi số cho HTX, góp phần giảm thiểu chi phí tuân thủ cho khu vực nông thôn.



Đề xuất trên cần được cụ thể hóa qua các hoạt động ngắn hạn (xây dựng cơ sở dữ liệu, đăng ký vùng trồng, tập huấn) và dài hạn (quy hoạch vùng trồng an toàn, phát triển HTX, nâng cấp chế biến).

## 5. Kết luận

---

Phát triển cà phê tại Sơn La mang lại cơ hội kinh tế rất lớn cho các bên tham gia chuỗi cung ứng, trong đó cà phê hiện là nguồn thu nhập quan trọng, thậm chí là chủ yếu, đối với nhiều nông hộ, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Ngành cà phê Sơn La đang tiếp tục tăng trưởng mạnh, chủ yếu nhờ động lực từ thị trường tiêu thụ. Tuy nhiên, sự phát triển “nóng” này tiềm ẩn nhiều hệ lụy trong việc đáp ứng các yêu cầu EUDR, đặc biệt liên quan đến vấn đề sử dụng đất.

Rủi ro trong việc tuân thủ EUDR của ngành cà phê Sơn La không chỉ là vấn đề riêng của địa phương, mà là rủi ro chung của toàn ngành cà phê Việt Nam. Điều này đồng nghĩa với việc trách nhiệm giảm thiểu hoặc loại bỏ rủi ro không chỉ thuộc về các chủ thể tham gia chuỗi cung ứng tại Sơn La, mà còn là trách nhiệm chung của tất cả các bên trong chuỗi cung ứng cà phê trên phạm vi cả nước. Việc đáp ứng EUDR có ý nghĩa sống còn đối với ngành cà phê Việt Nam nói chung và cà phê Sơn La nói riêng. Để đạt được mục tiêu này, cần triển khai các giải pháp mang tính tổng thể, bao gồm rà soát hiện trạng các diện tích trồng cà phê, đặc biệt là các diện tích mở rộng sau năm 2020; xác định các khu vực có hiện tượng chồng lấn giữa đất rừng và đất trồng cà phê; làm rõ nguyên nhân và trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp phù hợp. Việc thực hiện các giải pháp tổng thể này không chỉ là trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng tại Sơn La - những chủ thể trực tiếp tham gia chuỗi cung ứng tại địa phương - mà còn đòi hỏi sự tham gia, phối hợp và trách nhiệm của toàn ngành cà phê Việt Nam.



This document has been produced with the financial assistance of the United Kingdom. The views expressed herein can in no way be taken to reflect the official opinion of the United Kingdom.

